TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 37, 6-10/09/2021

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

Một tuần nhìn lại:

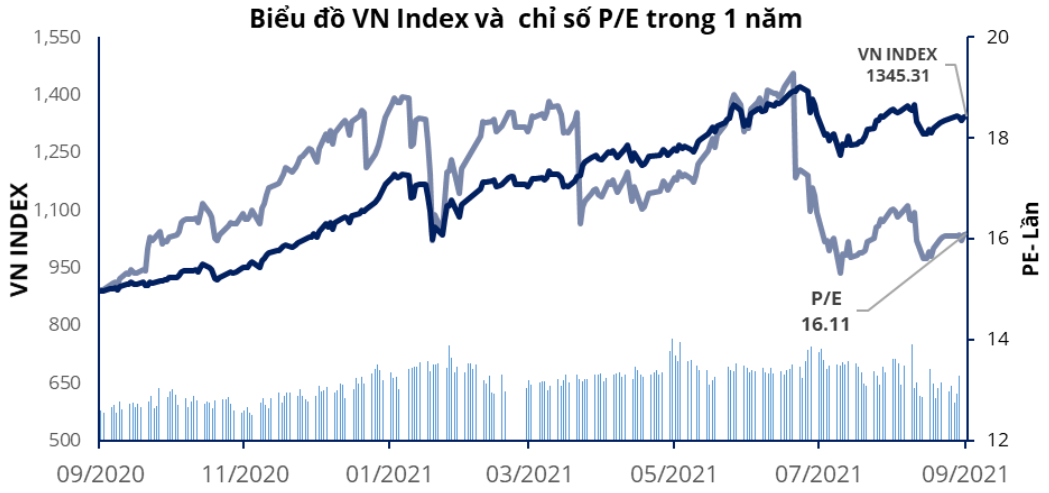
"Giới hạn của sự kiên nhẫn"

Thị trường chứng khoán toàn cầu tuần qua diễn ra trái chiều, chứng khoán Âu Mỹ có sự điều chỉnh, trong khi phần lớn thị trường châu Á tăng mạnh. Lịch sử giao dịch kém tích cực trong tháng 9 và dư âm về số liệu việc làm trong tháng 8 dưới kì vọng cộng với việc biến thế Delta đang ngày càng trầm trọng đã làm hưởng đến tâm lý của các nhà đầu tư lên thị trường chứng khoán Mỹ. Hệ quả là S&P500 sụt giảm 1.7%. Cùng lúc đó, Chứng khoán châu Âu suy yếu trong bối cạnh không chắc chắn về triển vọng kinh tế cũng như đại dịch Covid-19 tiếp diễn và việc cắt giảm mua trái phiếu của ECB. Kết quả, STOXX Europe 600 Index giảm 1.19%.Ngược lại, chứng khoán Nhật Bản kéo dài mức tăng nhờ vào tình hình chính trị tích cực và kỳ vọng về các biện pháp kích tài khóa dưới quyền chính phủ mới. Điều đó giúp Nikkei 225 tăng mạnh với 4.3%. Chứng khoán Trung Quốc cũng có tuần tăng thứ 3 liên tiếp nhờ vào dữ liệu thương mại tăng mạnh trong tháng tám và tín hiệu tích cực từ cuộc điện đàm giữa hai nhà lãnh đạo Joe Biden và Tập Cận Bình.Kết tuần, Shanghai Composite Index tăng 3.4%.

Tâm lý lo ngại về tình hình dịch bệnh vẫn khiến nhà đầu tư thận trọng, điều đó đã thể hiện rõ lên thị trường chứng khoán Việt Nam trong 3 phiên giao dịch đầu tuần với 1 phiên tăng và 2 phiên điều chỉnh. Tuy nhiên, những thông tin tích cực về động thái mở cửa dần nên kinh tế đã củng cố sự tự tin cho nhà đầu tư và giúp thị trường có 2 phiên tăng điểm để khép lại tuần với đầy hi vọng. Kết tuần, VN Index tăng +10.66 điểm, ứng với +0.8% và đóng cửa ở mức 1345.31 điểm. Bên cạnh đó, HNX Index và UPCOM Index cũng có một tuần giao dịch khởi sắc không kém, với mức tăng lần lượt là 1.93% và 1.49%.

Nhìn chung, tình hình dịch bệnh vẫn là nhân tố chính tác động lên thị trường. Triển vọng của nền kinh tế cũng như thị trường sẽ phụ thuộc rất nhiều vào một kế hoạch hiệu quả để thích nghi với trạng thái bình thường mới. Với dư địa chính sách tiền tệ và tài khoá vẫn còn cùng như lộ trình mở cửa trở lại sau ngày 15/9 đang được nổ lực đưa ra là cơ sở để triển vọng tích cực của thị trường là khả thi. Tuy nhiên, tính khả thi sẽ khó thành nếu kế hoạch đưa ra quá trễ khi mà số doanh nghiệp còn khả năng chống chịu giảm dần theo thời gian.

Dữ liệu thị trường tuần		%thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1T	1Thg	3Tng	TĐN	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (tỷ $)
VN-Index	1,345	0.8	-1.3	1.6	15.0		16.1	2.6	225
Upcom Index	95	1.5	5.4	9.5	18.9		46.2	3.2	58
HNX Index	350	1.9	4.5	12.4	31.1		19.6	2.1	18
VN30 Index	1,448	1.5	-3.1	-0.2	23.6		14.6	2.9	166
S&P 500 Index	4,459	-1.7	0.5	5.2	14.4		26.7	4.6	39,422
STOXX Europe 600 Index	466	-1.2	-1.3	2.6	10.5		24.4	2.2	15,319
Hang Seng	26,206	1.2	-1.5	-8.8	-9.3		10.8	1.1	3,346
Nikkei 225	30,382	4.3	8.9	4.9	4.6		17.5	2.0	4,176
SHCOMP Index	3,703	3.4	4.9	2.6	10.3		15.8	1.7	7,389
STI Index	3,099	0.5	-3.4	-2.0	0.6		23.6	1.1	381
KOSPI Index	3,126	-2.4	-3.6	-3.1	5.7		16.3	1.1	1,863



Source: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT

Theo vốn hóa và ngành

Càng về cuối tuần, thanh khoản thị trường có sự sụt giảm đáng kể, nhưng sự bùng nổ ở hai phiên đầu tuần giúp tổng hòa cả tuần lấy lại cần bằng. Cụ thể, giá trị giao dịch khớp lệnh (GTGDKL) trung bình mỗi phiên trên sàn HSX trong tuần vừa qua đạt 21,086 tỷ đồng tăng 2.2%.

Xét theo quy mô vốn hóa, giao dịch giữa các nhóm cổ phiếu cũng khá phân hóa khi các mã nhóm Large Cap chỉ đi ngang hoặc tăng nhẹ. Trong khi đó, nhóm Midc Cap và Small Cap tục tăng mạnh. Tuy nhiên, dòng tiền lại có chút thay đổi khi GTGD nhóm Mid Cap giảm mạnh, thay vào đó nó quay trở lại với nhóm Large Cap và phân bổ thêm vào nhóm Small Cap khi nai nhóm này điều có mức tăng về GTGD và tỉ trọng.

Xét theo nhóm ngành, nhóm dịch vụ tiêu dung là nhóm tăng mạnh nhất tuần qua, khi giá trị vốn hóa tăng 8.44% sau động thái tích cực từ chính phủ về kế hoạch mở lại đường bay nội địa, thí điểm du lịch ở Phú Quốc và cho phép mở lại dịch vụ bán hàng mang đi ở TP .Hồ Chí Minh. Theo sau đó là nhóm nguyên vật liệu với nhóm cổ phiếu thép là tâm điểm có mức tăng 1.8% do Trung Quốc cắt giảm sản lượng thép trong tháng 9. Bên cạnh đó, thông tin về việc hợp tác giữa ông lớn công nghệ FPT và Mckinsey tác động tích cực lên nhóm công nghệ thông tin (+1.6%)

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	1T	1Thg	TĐN	% thay đổi GTGD 1T	% thay đổi GTGD 1Thg	% thay đổi GTGD TĐN	%tỉ trọng GTGD HT	%tỉ trọng GTGD TĐ	Định giá P/E	Định giá P/B	Định giá Vốn hóa (tỷ $)
Large Cap	0.8	-2.2	21.9	6.1	-10.6	-7.3	65.2	2.0	21.5	3.0	4,466,585
Mid Cap	1.2	7.5	29.6	-5.3	1.8	31.2	30.9	-2.7	17.7	1.6	591,525
Small Cap	1.4	10.3	22.0	26.6	37.2	96.2	3.9	0.7	40.6	0.9	73,706

Theo ngành

Tên ngành	1T	1Thg	TĐN	% thay đổi GTGD 1T	% thay đổi GTGD 1Thg	% thay đổi GTGD TĐN	%tỉ trọng GTGD HT	%tỉ trọng GTGD TĐ	P/E	P/B	Vốn hóa (tỷ $)
Dịch vụ Tiêu dùng	8.4	8.2	33.1	-0.2	-13.5	4.1	2.8	-0.1	n.a	4.7	248,006
Nguyên vật liệu	1.8	7.9	57.1	22.7	16.8	28.3	19.9	3.2	22.1	2.9	536,280
Công nghệ Thông tin	1.6	-2.4	78.2	21.4	-28.5	-27.2	1.1	0.2	24.7	3.6	97,920
Ngân hàng	1.5	-4.2	24.2	-3.1	-33.3	-48.3	14.6	-0.9	15.4	2.5	1,581,275
Công nghiệp	0.9	8.6	25.8	-7.3	7.4	75.9	12.4	-1.4	17.6	1.6	244,323
Dầu khí	0.8	-4.4	-2.1	1.2	-25.3	-39.0	0.7	0.0	72.7	3.0	71,829
Tài chính	-0.4	-2.4	26.2	9.2	-3.1	22.6	36.7	2.1	24.4	2.8	1,435,148
Tiện ích Cộng đồng	-0.4	-3.0	2.3	-31.7	-13.7	10.7	1.6	-0.8	17.6	2.2	259,249
Hàng Tiêu dùng	-0.7	-2.0	-2.1	-14.4	1.0	20.9	9.6	-1.9	22.6	3.0	616,457
Dược và Y tế	-4.5	8.3	11.5	-35.1	-10.7	68.2	0.6	-0.4	19.7	2.5	42,036

Chú thích:
-TĐN: Từ đầu năm
-HT: Hiện tại
-TĐ: Thay đổi

WEEKLY SNAPSHOT
Sự dịch chuyển của dòng vốn

Về sự dịch chuyển của dòng vốn quốc tế, Nhật Bản đón nhận dòng vốn quay trở lại với mức tăng đáng kể với hơn 3.8 tỉ Đô. Trong khi đó, khối ngoại đảo chiều rút ròng mạnh hơn 1.2 tỷ đô ở thị trường Hàn Quốc. Việt Nam cũng đối mặt với hành động tương tự khi tiếp bị rút ròng 123 triệu Đô.

Về diễn biến dòng vốn qua kênh ETF. Quỹ Fubon và Xtrackers FTSE, thuộc nhóm ngoại rút rọng mạnh hơn 18 triệu đô. Tuy nhiên, Quỹ ETF nội DCVFMVN30 của công ty Dragon Cap tiếp tục giải ngân hơn 16 triệu đô đã giúp dòng vốn thuần vào thị trường Việt Nam thu hẹp việc chảy máu dòng vốn còn 1.72 triệu đô.

Tên ETF	Tài sản (Triệu $)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1T	1Thg	3Thg	TĐN
Tổng các quỹ ETF	**3,445**	**-1.72**	**-40.30**	**153.3**	**169.2**
Nước ngoài	**2,205**	**-18.49**	**-68.13**	**124.1**	**203.3**
VanEck Vectors Vietnam ETF	560	0.00	6.89	17.8	41.6
Fubon FTSE Vietnam ETF	479	-6.46	-74.17	85.6	249.6
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	501	0.00	6.75	13.2	3.7
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	430	-12.03	-10.73	-12.4	-21.8
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	177	0.00	0.00	7.2	-79.1
Premia MSCI Vietnam ETF	29	0.00	0.00	1.3	-1.0
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	17	0.00	0.00	0.0	-1.1
Asian Growth CUBS ETF	12	0.00	3.12	11.4	11.4
Trong nước	**1,241**	**16.77**	**27.83**	**29.2**	**-34.1**
DCVFMVN Diamond ETF	619	0.00	0.00	0.0	-39.1
DCVFMVN30 ETF Fund	459	16.77	27.84	28.1	0.0
SSIAM VNFIN LEAD ETF	114	0.00	0.00	0.0	0.0
MAFN VN30 ETF	27	0.00	0.00	1.1	0.3
SSIAM VNX50 ETF	13	0.00	0.00	0.0	0.0
VinaCapital VN100 ETF	4	0.00	0.00	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	4	0.00	0.00	0.00	4.7

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc	n.a	-363	69,345	64,699
Ấn độ	32	216	-478	7,607
Indonesia	1	12	391	1,583
Nhật Bản	3,843	3,843	-1,565	23,218
Maylaysia	85	151	84	-944
Philippines	1	4	-147	-1,690
Hàn Quốc	-1,280	-158	-9,127	-26,505
Sri Lanka	-3	-19	-77	-212
Đài Loan	178	1,832	-1,305	-14,409
Thái Lan	100	220	-126	-2,595
Việt Nam	-123	-142	-210	-1,739

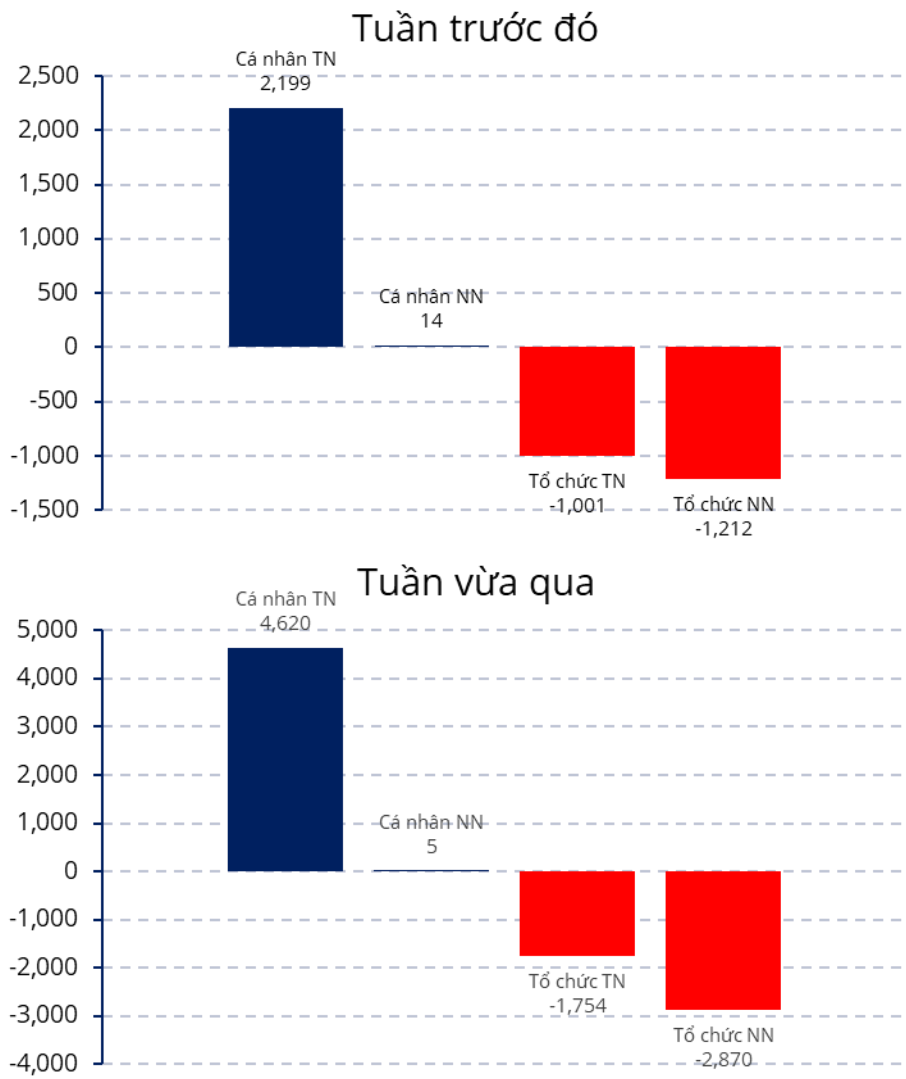
Chú thích:
-WTD: từ đầu tuần
-MTD: từ đầu tháng
-QTD: từ đầu quý
-YTD: từ đầu năm

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT

Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Về hoạt động giao dịch giữa các nhà đầu tư, khối ngoại vẫn duy trì việc bán ròng cùng với nhóm nhà đầu tư tổ chức trong nước với giá trị ròng lần lượt là 2,865 và 1,754 tỷ Đồng. Trong khi đó, nhóm nhà đầu tư cá nhân trong nước, trong đó có sự góp sức của lượng nhà đầu tư mới tăng lên đáng kể trong tháng 8, vẫn là bên gom mua rất mạnh, với giá thị thuần đạt hơn 4.6 nghìn tỷ Đồng.



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam, đơn vị :tỷ đồng

Chú thích:
-TN: trong nước
-NN: nước ngoài

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% thay đổi
1	SPM	Y tế	11.30 - 34.50	24.2	-25.12%
2	VMD	Y tế	20.00 - 88.10	57.6	-24.90%
3	TCH	Ô tô và phụ tùng	16.76 - 26.10	17.2	-10.63%
4	FIT	Dịch vụ tài chính	7.80 - 22.20	17.5	-10.51%
5	VSI	Xây dựng và Vật liệu	16.00 - 26.75	21.8	-9.92%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
30.74%	46.2	0.99 - 46.15	Xây dựng và Vật liệu	TGG
30.70%	30.7	8.38 - 30.65	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	TCO
29.66%	15.3	5.61 - 15.35	Hóa chất	RDP
26.46%	32.5	15.00 - 33.20	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	VNL
29.66%	15.3	5.61 - 15.35	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	VOS

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% thay đổi
1	PPE	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	3.80 - 17.60	13.0	-17.20%
2	VMS	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	5.90 - 13.70	11.2	-17.04%
3	LM7	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2.40 - 7.30	4.5	-11.76%
4	LDP	Y tế	8.50 - 21.00	14.5	-11.59%
5	CLM	Tài nguyên Cơ bản	15.70 - 37.40	21.2	-9.79%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
45.00%	26.1	10.30 - 26.10	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	VSM
44.92%	27.1	11.60 - 27.10	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	DPC
44.69%	25.9	6.00 - 25.90	Công nghệ Thông tin	SMT
44.19%	12.4	2.70 - 12.40	Du lịch và Giải trí	PGT
42.42%	14.1	3.70 - 14.10	Ô tô và phụ tùng	VKC

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% thay đổi
1	HAF	Thực phẩm và đồ uống	11.70 - 38.00	22.7	-35.33%
2	RCC	Xây dựng và Vật liệu	14.30 - 34.10	19.3	-27.72%
3	HNT	Du lịch và Giải trí	2.30 - 16.00	11.9	-25.63%
4	TAW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.50 - 28.00	13.5	-25.41%
5	DPP	Y tế	14.20 - 31.50	20.0	-25.37%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
89.66%	5.5	0.50 - 5.50	Tài nguyên Cơ bản	KHB
66.67%	13.5	7.80 - 13.50	Du lịch và Giải trí	DTI
51.90%	12.0	3.80 - 12.00	Xây dựng và Vật liệu	QNC
49.06%	7.9	2.80 - 7.90	Xây dựng và Vật liệu	CI5
37.36%	12.5	5.40 - 12.50	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	PSP

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến

	Tickers	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu đ)	%1 Tuần	HT	Biến động 52 tuần	%1 Tuần
1	SVI	Bao bì Biên Hòa	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	78	605.7	81.0	59.30 - 109.80	5.9
2	SII	Hạ tầng Nước Sài Gòn	Xây dựng và Vật liệu	21	325.0	17.8	13.40 - 21.00	-5.8
3	ITC	Đầu tư kinh doanh Nhà	Bất động sản	2,214	235.1	14.5	12.00 - 21.10	3.2
4	HVN	Vietnam Airlines	Du lịch và Giải trí	34,400	216.5	25.1	18.66 - 27.05	19.6
5	SGR	Địa ốc Sài Gòn	Bất động sản	2,299	209.6	26.5	16.30 - 44.20	12.8
6	GTN	GTNFOODS	Thực phẩm và đồ uống	22,513	190.3	19.2	15.30 - 30.50	5.5
7	TPB	Ngân hàng Tiên Phong	Ngân hàng	226,759	180.8	37.4	18.09 - 40.90	9.4
8	VIS	Thép Việt Ý	Tài nguyên Cơ bản	243	179.2	17.6	11.65 - 23.55	1.1
9	SGT	Sài Gòn Telecom	Công nghệ Thông tin	10,045	179.0	24.5	5.04 - 25.80	16.7
10	TCD	ĐT Phát triển CN và Vận tải	Xây dựng và Vật liệu	18,969	170.3	21.8	8.76 - 21.75	10.1

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Bảng trên liệt kê ra top 10 cổ phiếu trong rổ chỉ số VN Index có vốn hóa trên 1,000 tỷ đồng và giá trị giao dịch bình quân hằng ngày trong tuần qua so với tuần trước đó la cao nhất.

WEEKLY SNAPSHOT

Những dữ liệu vĩ mô khác

Tỷ giá

	Giá	1T	1TH	3TH	TĐN	XH
Dollar index	92.47	0.26	-0.63	2.65	2.81	
VND/USD	22,763	0.00	-0.62	-0.87	-1.45	
KRW/USD	1,169.10	1.04	1.68	4.81	7.62	
JPY/USD	109.92	0.19	-0.59	0.54	6.46	
EUR/USD	0.85	0.40	-0.94	2.91	3.25	
SGD/USD	1.34	-0.15	-1.49	1.15	1.29	
CNY/USD	6.44	-0.25	-0.73	0.71	-1.35	

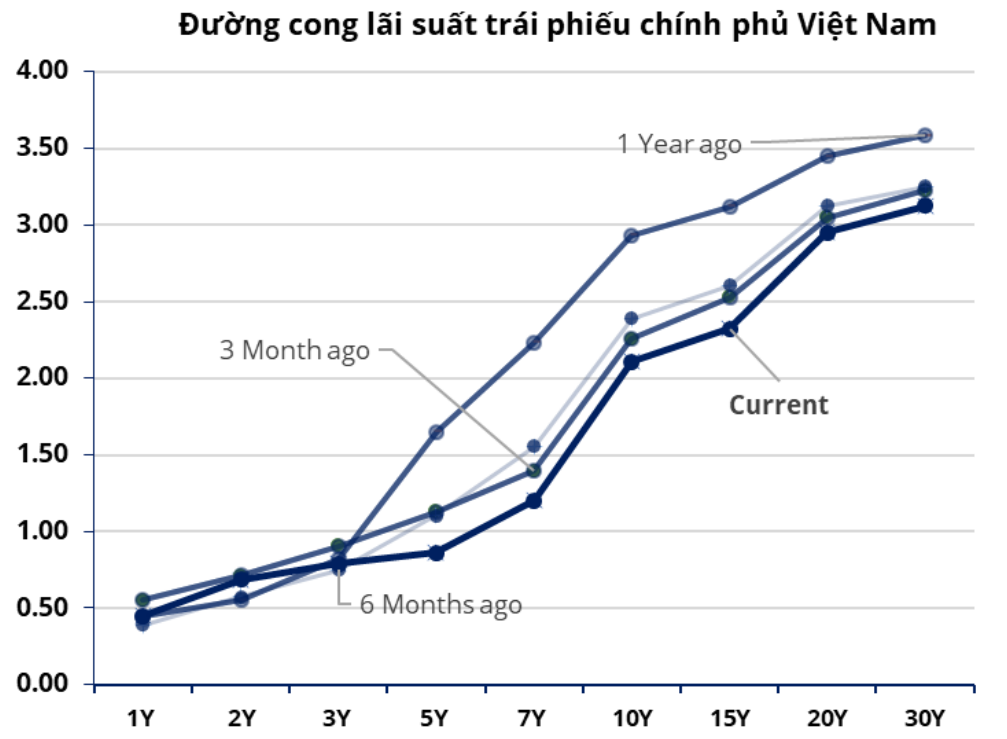
Hàng hóa

	Giá	1T	1TH	3TH	TĐN	XH
Dầu thô	69.34	-0.93	1.54	-1.35	42.91	
Xăng	213.89	-1.14	-5.69	-3.31	51.87	
Gas	5.03	8.30	22.92	59.61	97.95	
Than	177.50	0.00	6.26	43.49	120.50	
Vàng	1,794.89	-1.80	3.82	-5.46	-5.45	
Bạc	24.04	-2.74	2.98	-14.12	-8.96	
Platinum	983.93	-4.17	-1.64	-14.85	-8.23	
Quặng sắt	133.82	-6.47	-22.88	-36.33	-14.13	
Thép cán	5,850.00	1.51	1.90	5.33	27.87	
Lúa mì	683.75	-2.88	-5.95	0.00	6.75	
Ngô	499.00	-3.34	-9.15	-28.61	3.10	
Gỗ	500.60	4.84	-5.56	-57.00	-42.66	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Chú thích:
-TĐN: Từ đầu năm
-XH; Xu hướng
-Thay đổi(BPS): số điểm cơ bản thay đổi sau 1 tuần

Dữ liệu về lãi suất



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	0.45	0.69	0.79	0.86	1.20	2.11	2.32	2.95	3.13
Thay đổi (BPS)	0.00	0.00	0.00	-4.50	-3.90	1.30	2.10	0.00	0.00

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải c hịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã đư ợc hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính nà y có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi t rường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán S hinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua h oặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứ ng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể đ ược sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.